**THIẾT KẾ BÀI GIẢNG NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN   
CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 1 THEO HƯỚNG BÁM SÁT**

**ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI HỌC NHẰM KÍCH HOẠT TƯ DUY**

**VÀ TẠO CẢM HỨNG CHO NGƯỜI HỌC**

**Trần Hương Giang**

*Trường Đại học Quảng Bình*

***Tóm tắt.*** *Trên cơ sở bám sát nội dung, khối lượng kiến thức trọng tâm môn học “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1” theo yêu cầu của Bộ giáo dục và Đào tạo, tác giả đã nghiên cứu và thiết kế nội dung môn học theo hướng bám sát đối tượng người học thông qua những ví dụ minh họa cụ thể. Mục đích làm thế nào để môn học này thoát khỏi tính trừu tượng và giúp sinh viên có được đam mê, cảm hứng trong quá trình học tập. Với cách thiết kế nội dung môn học bám sát đối tượng người học, nghiên cứu đưa ra những kinh nghiệm, giải pháp tối ưu để quá trình giảng dạy môn học này đạt được phản hồi tích cực từ người học.*

***Từ khóa:*** *Bài giảng, nguyên lý, lượng, chất, mức độ, nút, bước nhảy quy luật.*

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Hiện nay, để hòa mình với xu thế phát triển của xã hội, ngành giáo dục cần phải có sự đổi mới. Có rất nhiều vấn đề cần phải thay đổi như cách quản lý, tổ chức, chương trình đào tạo, giáo trình,... Một trong những vấn đề chủ chốt đó là thay đổi phương pháp giảng dạy. Muốn nâng cao chất lượng giảng dạy thì phải đổi mới phương pháp. Do vậy, việc đổi mới phương pháp giảng dạy có ý nghĩa rất quan trọng. Hiệu quả giáo dục phụ thuộc vào việc chọn phương pháp đúng.

Có nhiều nghiên cứu, tham luận đã đề cập đến vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy nói chung và phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin nói riêng. Ví dụ: đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy tính chủ động, độc lập và sáng tạo của người học; giảm thuyết trình, tăng cường trao đổi, thảo luận.

Từ đặc điểm của triết học là môn học có tính trừu tượng cao, theo chúng tôi, để đổi mới phương pháp giảng dạy, trước mắt cần tập trung kết hợp phương pháp thuyết trình với các phương pháp tích cực khác như: nêu vấn đề, thảo luận theo nhóm, hỏi đáp… kết hợp với sử dụng các phương tiện hiện đại. Phương pháp giảng dạy hỗ trợ cho phương pháp thuyết trình mà chúng ta thường sử dụng để chọn những nội dung gợi mở, nêu vấn đề, định hướng người học suy nghĩ và tự mình giải quyết vấn đề. Phương pháp nêu vấn đề yêu cầu giảng viên phải xuất phát từ nội dung của chủ đề bài giảng từ đó nêu ra các vấn đề để sinh viên suy nghĩ, thảo luận, giải đáp dưới sự định hướng của giảng viên. Phương pháp giảng dạy nêu vấn đề là cách thức đưa người học đi tới mâu thuẫn giữa những kiến thức đã biết và kiến thức chưa biết, đưa ra các câu hỏi, bài tập buộc người học phải vươn tới những kiến thức mới. Do vậy, phương pháp này có ý nghĩa kích thích tính tích cực, chủ động, sáng tạo, độc lập suy nghĩ của người học; tạo ra bầu không khí sôi nổi, dân chủ trong học tập, hướng người học tăng cường hiểu biết, làm cho quá trình tiếp thu tri thức của họ trở thành quá trình tự giác.

Ngoài những phương pháp nêu trên, theo tôi nghĩ nên bổ sung thêm một phương pháp đó là “dạy học phải phù hợp với đối tượng người học”. Ví dụ: giảng dạy môn “*Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1*” cho sinh viên các ngành như Toán, Hóa, Kế toán, Mầm non, Ngữ văn… cần phải bám sát đối tượng người học. Bởi lẽ:

Thứ nhất: Phương pháp giảng dạy đúng với đối tượng người học là yếu tố rất quan trọng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy. Vì vậy, cải tiến (hay đổi mới) phương pháp giảng dạy luôn phải xem xét đến đối tượng người học của từng lớp cụ thể. Người dạy cần phải xét đến tiêu chí rất quan trọng đó là đối tượng học trực tiếp.

Thứ hai: Đặc trưng của môn học này là trừu tượng. Dó đó, cần phải làm thế nào để đưa cái trừu tượng của môn học này về với thực tế cuộc sống. Cần làm cho Triết học dễ hiểu và cụ thể hơn.

Thứ ba: Giảng dạy bám sát chuyên ngành giúp các em nắm vững chuyên ngành hơn. “Dạy những gì người học cần, không dạy những gì giáo viên có”. Hơn nữa sinh viên có cái đam mê chuyên ngành của các em. Việc lựa chọn chuyên ngành để học một phần xuất phát từ đam mê của Người học. Người học luôn có khát vọng chiếm lĩnh tri thức, hoàn thiện nhân cách. Do vậy, dạy nguyên lý gắn liền với đam mê của người học sẽ làm cho người học có được sự hứng thú.

**2. NỘI DUNG**

Để hiểu rõ hơn ý tưởng của nghiên cứu, tác giả đưa ra một ví dụ về việc giảng dạy môn học này phải bám sát đối tượng người học như thế nào. Vì khối lượng kiến thức của môn học này rất rộng. Do đó, nghiên cứu gói gọn lại trong 3 quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật. Bởi vì tính bao quát của ba quy luật này cần phải ứng dụng lý luận này vào chuyên nghành. Hướng sinh viên có phương pháp tư duy triết học đúng đắn khách quan và toàn diện. Nâng cao hiệu quả học tập. Đối với sinh viên thì tư duy biện chứng là tiền đề đầu tiên của việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành. Ở đây nghiên cứu đưa ra ví dụ về việc giảng dạy 3 quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật cho sinh viên các lớp sư phạm chuyên ngành Hóa học.

**2.1. Quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại**

Trước hết ta tìm hiểu các khái niệm:

Lượng: dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật về các phương diện: số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô của sự tồn tại, tốc độ, nhịp điệu của các quá trình vận động, phát triển của sự vật. Như vậy, lượng là tổng hợp những thuộc tính chỉ rõ kích thước độ lớn của sự vật [1].

Trong hóa học, trong những dạng cụ thể của vật chất luôn tồn tại lượng như: nhiệt độ, áp suất, thể tích, cấu trúc mạng, cách sắp xếp số E, P, N trong nguyên tử cũng như số lượng của chúng.

Chất: dùng để chỉ tính quy định khách quan, vốn có của sự vật hiện tượng; là sự thống nhất hữu cơ các thuộc tính cấu thành nó, phân biệt nó với cái khác. Như vậy, chất là tổng hợp những thuộc tính chỉ vật đó là cái gì [1].

Tổng hợp những thuộc tính của nước chính là chất, ta dựa vào các thuộc tính đó để định nghĩa nước.

Độ: Khoảng giới hạn mà ở đó sự thay đổi về lượng chưa làm chất thay đổi [1]. Đối với chất rắn thì nhiệt độ trong khoảng xác định tới nhiệt độ nóng chảy, với chất lỏng thì đó là khoảng nằm giữa nhiệt độ đóng rắn với nhiệt độ sôi, với chất khí thì đó là khoảng hóa lỏng tới trạng thái plasma.

Điểm nút: là giới hạn mà ở đó sự thay đổi về lượng dẫn tới chất thay đổi [1]. Đối với vật ở các dạng rắn lỏng khí thì điểm nút là giới hạn nhiệt độ để chất từ thể này qua thể khác là điểm nút. Chỉ có nhiệt độ, áp suất, thể tích của vật mới có điểm nút còn các lượng còn lại thì không.

Bước nhảy: Chính là quá trình thay đổi về chất.

Ví dụ: Tới 1000C nước biến thành hơi, tới -1830C thì oxi ở trạng thái khí chuyển sang trạng thái lỏng, thêm một nguyên tử trong phân tử oxi trở thành ozon, thêm 1 notron trong đồng vị H1 thì đồng vị H1 trở thành đồng vị H2.

Ví dụ: Họ các axit:

HCOOH điểm sôi 1000C, điểm chảy 10C.

CH3COOH điểm sôi 1180C, điểm chảy 170C.

C2H5COOH điểm sôi 1400C, điểm chảy 170C.…..[3].

Ta thấy: chỉ cần thêm một nhóm CH2 trong dãy đồng đẳng các chất này thì tính chất của nó thay đổi hoàn toàn.

Trong phạm trù hóa học có hai loại thay đổi về lượng dẫn tới thay đổi về chất cơ bản, đó là thay đổi về thuộc tính bên trong và thuộc tính bên ngoài khi lượng của vật thay đổi thì chất của vật cũng thay đổi theo. Tuy nhiên, không phải lúc nào lượng thay đổi cũng kéo theo chất thay đổi, chỉ khi nào lượng thay đổi tới điểm nút thì chất mới thay đổi.

Khi một lượng nào đó thay đổi đến điểm nút dẫn tới chất thay đổi chất mới tạo thành lại có lượng mới tương ứng vì vậy chất thay đổi kéo theo lượng thay đổi, tuy nhiên thực chất của quá trình là mỗi vật đều có các thuộc tính hữu cơ với nhau, khi thuộc tính này thay đổi thì sẽ tác động tới thuộc tính kia.

Ăngghen nói: “Chúng ta có thể rút ra trong giới tự nhiên và xã hội loài người hàng trăm sự việc tương tự như thế để chứng minh cho quy luật này” [2]. Trong mối quan hệ lượng chất thì lượng là cái thay đổi liên tục còn chất thay đổi chậm chạp gián đoạn. Bởi vì, trước khi có sự thay đổi về chất đã có thay đổi về lượng. Quá trình thay đổi về chất là quá trình vật phủ định để tồn tại, nếu xét cả quá trình thì nó liên tục, còn xét hai sự thay đổi về chất thì đó là bước nhảy.

Ví dụ: Một cục sắt nguyên chất để ngoài không khí ẩm thì quá trình tác dụng giữa nó với không khí ẩm diễn ra không ngừng nhưng chỉ khi nào phần lớn sắt nguyên chất đã bị oxi hóa thì khi đó cục sắt nguyên chất biến thành cục sắt rỉ.

Quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất, giải thích cách thức phát triển của sự vật. Biết được quy luật này chúng ta có thể ứng dụng vào thực tiễn, muốn có sự thay đổi về chất thì lượng cần phải được tác động tới điểm nút nhất định. Đồng thời trong nhận thức và hoạt động thực tiễn chống khuyh hướng tả khuynh, hữu khuynh.

**2.2. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập**

Đây chính là quy luật hạt nhân của phép biện chứng duy vật. Nó chỉ rõ nguồn gốc của vận động và phát triển bắt nguồn từ sự thống nhất, đấu tranh và chuyển hóa lẫn nhau giữa các mặt đối lập.

Để làm rõ vấn đề ta làm rõ các khái niệm:

Mặt đối lập: là phạm trù chỉ những đặc điểm, những thuộc tính, những quy định có khuynh hướng biến đổi trái ngược nhau.

Thống nhất của các mặt đối lập là các mặt đối lập nương tựa vào nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau.

Ví dụ: Phần tử của muối ăn Nacl, Na+ có tính hút e, Cl- có tính nhường e, chính sự đối lập này mà 2 ion Na+ và Cl- có thể kết hợp với nhau một cách bền vững. Đây chính là tiền đề tồn tại của 2 ion Cl- và Na+, nếu không có Na+ thì Cl- sẽ kết hợp với chất khác hoặc không có Cl- thì Na+ cũng sẽ kết hợp với chất khác.

Đấu tranh: Là các mặt đối lập phủ định lẫn nhau, bài trừ lẫn nhau. Mặt đối lập: là phạm trù chỉ những đặc điểm, những thuộc tính, những quy định có khuynh hướng biến đổi trái ngược nhau.

Ví dụ: Trong NaCl, Na+ có xu hướng đẩy e về phía Cl- để biến thành Na, còn Cl- thì lại muốn lấy đi e của Na+ để biến thành Cl.

Vậy, các mặt đối lập luôn bài trừ lẫn nhau nhưng lại tồn tại thống nhất hữu cơ với nhau, cả Na và Cl đều tồn tại trong một phân tử muối NaCl và nhờ lực hút giữa hai điện tích trái dấu mà chúng tồn tại bền vững khó có thể bị thay đổi.

Ví dụ: Muối ăn NaCl, không phải tự nhiên đã có mà phải có Na rồi có Cl tiếp đến là phản ứng diễn ra giữa chúng. Trong phản ứng này Na là một kim loại mạnh cấu tạo 3 lớp e trong đó lớp ngoài cùng chỉ có một e liên kết yếu với nhân dễ bị bứt ra. Cl là một phi kim mạnh cấu tạo 2 lớp e, lớp ngoài cùng có tới 7 e cần một e nữa để bão hòa. Do đặc tính đó mà giữa chúng xảy ra phản ứng oxi hóa khử tạo ra hợp chất NaCl với liên kết ion bền vững, nếu ta thêm nước vào các phân tử này thì chúng sẽ tan hoàn toàn vì mâu thuẫn bên trong là một liên kết ion có tính phân cực mạnh khi vào nước chúng sẽ phân li hoàn toàn.

Vậy, mâu thuẫn luôn đi kèm quá trình phát sinh và phát triển của vật chất. Ngoài ra, còn có mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài, mâu thuẫn thứ yếu và mâu thuẫn không thứ yếu. Trong đó, mâu thuẫn bên trong giữ vai trò quyết định.

Ví dụ: Trong phản ứng NaOH + HCl  NaCl +H2 O.

Mâu thuẫn bên trong là mâu thuẫn trong chính bản thân NaOH và HCl, ở NaOH, Na+ là ion kim loại mạnh OH- là ion phi kim yếu vậy nên, e bị hút lệch về phía Na+ dẫn tới tính bazơ của NaOH, ở HCl thì ngược lại H+ là ion yếu còn Cl- là ion mạnh trái dấu. Bởi vậy, e bị lệch về phía Cl- sinh ra tính axit của HCl. Từ mâu thuẫn bên trong lại sinh ra mâu thuẫn bên ngoài, cả hai chất đều phân li mạnh trong nước khi H+ gặp OH- trong dung dịch sẽ tạo ra nước, một chất điện li yếu, cứ lần lượt phân li và tạo ra nước như vậy phản ứng xảy ra hoàn toàn cho tới khi cả hai chất phản ứng hết hoặc một trong hai chất hết.

Trong hóa học mâu thuẫn chính là sự đấu tranh của các mặt đối lập trong những dạng cụ thể của vật chất. Trong hợp chất, trong đơn chất, trong lớp e, trong nhân… Tất cả chúng bên trong đều có mâu thuẫn, nhờ đó mà các dạng cụ thể của vật chất tồn tại và phát triển được. Mâu thuẫn bên trong quy định thuộc tính khách quan của vật chất, quy định cách thức và khuynh hướng vận động và phát triển. Mâu thuẫn và biểu hiện của nó rất đa dạng, vì vậy thế giới tự nhiên cũng phong phú đa dạng. Mâu thuẫn có mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu. Mâu thuẫn chủ yếu quy định tính chất chiều hướng và khuynh hướng vận động phát triển, còn mâu thuẫn thứ yếu chỉ phản ánh một mặt của sự vật. Khi tìm hiểu mâu thuẫn là lúc ta trả lời câu hỏi do đâu mà vật có tính chất như vậy? do đâu mà vật có chiều hướng vận động và phát triển đó mà không phải là khác?

Ví dụ: Vì sao sắt có tính cứng và tại sao sắt để ngoài môi trường thì lại bị rỉ? Là ta tìm hiểu mâu thuẫn nào bên trong sắt đã quy định như vậy. Mâu thuẫn ở đây là mâu thuẫn trong sắt và mâu thuẫn trong oxi và nước ở môi trường, mâu thuẫn giữa chúng. Sắt là chất có cấu tạo 4 lớp e, lớp 3d của sắt có 3 e, lớp vỏ e của sắt có tính âm, nhân sắt +, vì vậy mà chúng liên kết với nhau bền chặt, ngoài ra do mâu thuẫn bên trong giữa các ion dương và e tự do trong mạng tinh thể mà sắt có đặc tính cứng và dễ tham gia phản ứng hóa học. Oxi và nước cũng có mâu thuẫn bên trong tạo ra tính phi kim của nó, từ mâu thuẫn bên trong quy định ra mâu thuẫn bên ngoài đó là nguyên nhân xảy ra phản ứng: Fe + O2 +H2O tạo ra Fe(OH)3, Fe2O3 đó chính là nguyên nhân làm cho sắt rỉ.

Sự đấu tranh của các mặt đối lập được gọi là mâu thuẫn biện chứng. Mâu thuẫn là điều kiện tồn tại khách quan phổ biến của vật chất. Bởi vì, mâu thuẫn là nguồn gốc của vận động và phát triển mà vận động và phát triển lại là phương thức tồn tại của vật chất. Mâu thuẫn là khách quan tồn tại không phụ thuộc ý thức con người. Lênin viết: “phát triển là một cuộc “đấu tranh” giữa các mặt đối lập” [3].

Mâu thuẫn nào cũng có quá trình phát sinh và phát triển của nó, mâu thuẫn mang tính khách quan phổ biến. Ở các sự vật, hiện tượng khác nhau, các giai đoạn phát triển thì mâu thuẫn và vai trò của mâu thuẫn cũng khác nhau.

Quá trình thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập chính là nguồn gốc của sự vận động và phát triển của sự vật. Nó là mâu thuẫn bên trong vốn có của sự vật, mang tính khách quan, chính mâu thuẫn quy định chiều hướng vận động và phát triển của sự vật. Thế giới tự nhiên tồn tại và phát triển là kết quả của những mâu thuẫn bên trong chứ không phải là do ai sáng tạo nên.

Vì vậy, trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải hiểu được quy luật khách quan của sự vật để có sự tác động phù hợp nhằm đem lại kết quả cao nhất, tránh thất bại vì không hiểu quy luật khách quan. Đồng thời, chúng ta cũng phải loại bỏ tư tưởng xem mâu thuẫn khách quan là cái cản trở mà loại bỏ nó, phải giải quyết ngay mâu thuẫn khi có điều kiện chín muồi.

**2.3. Quy luật phủ định của phủ định**

Phép biện chứng duy vật cho rằng cái mới ra đời khắc phục và thay thế cái cũ. Phủ định là cái mới ra đời trên cơ sở cái cũ và tiếp tục quá trình vận động và phát triển của sự vật.

Trong phạm trù Hóa học thì phủ định là quá trình thay đổi chất. Chất mới ra đời một thời gian bởi thế giới bên ngoài luôn thay đổi nên xuất hiện các mâu thuẫn mới giữa chất đó với môi trường dẫn tới chất biến đổi tạo ra chất mới. Quá trình đó lặp đi lặp lại và cứ tiếp diễn mãi. Chất này phủ định chất kia thì nó cũng sẽ bị phủ định bởi chất khác vấn đề ở đây chính là sự hợp lý tương đối của nó với môi trường như thế nào. Phủ định luôn được lặp lại nhưng dưới hình thức cao hơn và luôn thay đổi.

Ví dụ: Nhôm oxit Al2O3 để ngoài môi trường ban đầu nó chưa bị biến đổi nhưng nếu sau một thời gian môi trường xuất hiện OH- thì Al2O3 trở thành Al(OH)3 và sau đó nếu môi trường lại xuất hiện SO42- thì Al(OH)3 trở thành Al2(SO4)3 [4].

Phủ định biện chứng có tính đa dạng nhiều vẻ nhưng đều có đặc điểm: phủ định bên trong khách quan tự thân sự vật phủ định không phụ thuộc vào ý thức con người, ví dụ: U238 không bền nó bức xạ ra tia anpha để trở thành chì bền với môi trường.

Ví dụ: sự hình thành lớp vỏ trái đất: Trước hết vỏ trái đất do khối lỏng nguội tạo thành rồi vỡ ra từng mảng vì tác dụng của đại dương, của khí tượng, vì tác động hóa học, của không khí và từng mảnh vụn đó lắng xuống đáy biển đọng thành từng lớp. Đáy biển có những bộ phận nổi lên khỏi mặt biển, do đó một lần nữa có nhiều bộ phận của tầng khoáng chất lắng xuống lần đầu tiên ấy chịu tác động của mưa, của bốn mùa thay đổi, của oxi và của axit cacbonich trong không khí; các khối đá nóng chảy từ lòng đất tuôn ra qua các tầng vỉa rồi sau đó nguội đi và chịu tác động như thế. Như vậy, là trong hàng triệu thế kỷ nhiều lớp mới không ngừng hình thành rồi phá hủy một phần lớn và lại góp phần vào việc tạo ra nhiều lớp mới. Nhưng kết quả của quá trình đó rất tích cực, tạo ra một lớp đất được đánh tơi chứa nhiều thành phần hóa học để cho trái đất ngày nay đa dạng và trù phú. Sự vật trong quá trình phủ định cái mới ra đời trên cở sở cái cũ, trở lại ví dụ trên số Protron, Notron, Electron của chì đều là từ của U238. Chất này biến thành chất kia trên cơ sở thừa hưởng nhân tố tạo thành chất cũ nhưng trên cơ sở lược bỏ thêm bớt hay thay đổi vị trí mà thôi.

Quá trình phát triển của sự vật có nhiều lần phủ định trong quá trình đó có những lúc trạng thái mới xuất hiện lặp lại cái cũ nhưng ở trình độ cao hơn.

Quy luật phủ định của phủ định là bằng chứng giải thích khuynh hướng vận động và phát triển của sự vật, trong phạm trù hóa học thì vật chất không mất đi mà chuyển từ dạng này sang dạng khác đó là sự phủ định của vật. Từ đó, rút ra bài học muốn thay đổi cái cũ khi cái cũ không còn phù hợp cần chuẩn bị vật chất để phá vỡ cái cũ. Muốn thay đổi một quá trình cần phải xuất phát từ lực lượng bên trong nó để thay đổi trạng thái của nó. Phải biết kế thừa có chọn lọc cái cũ.

**3. KẾT LUẬN**

Để thực hiện được một bài giảng hay là vấn đề không đơn giản, nó đòi hỏi người giảng viên phải có trình độ, kinh nghiệm và tâm huyết cho sự nghiệp giáo dục. Phương pháp giáo dục cũng không phải là những nguyên lý có sẵn, có tính chất kinh điển, bất biến mà là kết quả của sự sáng tạo, thay đổi không ngừng. Đối với phương pháp mà chúng tôi nêu ra: dạy học phải phù hợp với đối tượng người học đòi hỏi giảng viên phải tìm hiểu sâu hơn các chuyên ngành khác.

Phương pháp giảng dạy sát thực với đối tượng người học luôn là yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng giảng dạy. Vì vậy, cải tiến (hay đổi mới) phương pháp giảng dạy luôn phải xem xét đến đối tượng người học của từng lớp cụ thể. Mặt khác, trong khi áp dụng những phương pháp mới thì không nên “phủ nhận sạch trơn” phương pháp truyền thống. Cái gì ra đời và tồn tại lâu đời đều có lý do khách quan và có những điều mà thế hệ sau cần kế thừa.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1*, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội.

[2] C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập (1995),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 20.

[3] V. I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1981, t.29.

[4] Lê Đăng Khương (2016), *Làm chủ môn Hóa trong 30 ngày*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[5] PGS.TS Lê Cự Giác (2017), *Những viên kim cương trong hóa học*, Nxb. Đại học Sư phạm.

**LECTURE DESIGN “THE PRINCIPLES OF MARXIST AND LENNIST -1” FOLLOW UP THE OBJECT AIM TO ACTIVATE THINKING AND CREATIVE EXCITEMENT**

***Abstract:*** *Based on the content, the volume of core knowledge of the subject “The principles of Marxist and Leninist -1”* *requested by* *the Ministry of Education and Training, the author studied and designed the content of this subject follow up the object through specific examples. The goal of this study is how to get this subject out of the abstraction and helps the students gain the passion and inspiration in the learning process. With the design of the subject content that adheres to the learners' subjects, the research provides the experiences and solutions to optimize the teaching process of this subject based on the positive feedback from the learners.*

***Keywords***. *Lecture, principle, substance, quantity, degree, node, step, rule.*

*\*Liên hệ:*

**ThS. Trần Hương Giang**

*Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Quảng Bình*

*Địa chỉ: 312 Lý Thường Kiệt, Đồng Hới, Quảng Bình*

*Email: batkhatri@gmail.com.*